SỞ Y TẾ THANH HÓA **BỆNH VIỆN ĐA KHOA NHƯ XUÂN** Số:324 /QĐ-BVNX	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Như Xuân, ngày 15 tháng 09 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu số 15: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ tại Bệnh viện Đa khoa Như Xuân giai đoạn 2026 – 2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-BVNX ngày 14/09/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Như Xuân về việc phê duyệt danh mục, số lượng, tiêu chí kỹ thuật, dự toán mua sắm: Gói thầu số 15: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ tại Bệnh viện Đa khoa Như Xuân giai đoạn 2026 – 2027;

Theo đề nghị của Tổ Mua sắm thuốc tại Tờ trình số 396/TTr-TMST ngày 14/09/2026 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu số 15: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ tại Bệnh viện Đa khoa Như Xuân giai đoạn 2026 – 2027.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu số 15: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ tại Bệnh viện Đa khoa Như Xuân giai đoạn 2026 – 2027 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ Mua sắm thuốc và các khoa/phòng, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NHƯ XUÂN

Trịnh Ngọc Hân

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM: GÓI THẦU SỐ 15: MUA SẮM VẮC XIN TIÊM CHỦNG DỊCH VỤ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA NHƯ XUÂN GIAI ĐOẠN 2026 – 2027

(Đính kèm Quyết định Số: 324/QĐ-BVNX ngày 15 tháng 09 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Như Xuân)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Như Xuân	Gói thầu số 15: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ tại Bệnh viện Đa khoa Như Xuân giai đoạn 2026 - 2027	Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ tại Bệnh viện Đa khoa Như Xuân giai đoạn 2026 - 2027	1.972.223.560	Từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị	Chào giá trực tuyến rút gọn		30 ngày	Quý III năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu:				***(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng).***								

Phụ lục II

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM: GÓI THẦU SỐ 15: MUA SẮM VẮC XIN TIÊM CHỦNG DỊCH VỤ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA NHƯ XUÂN GIAI ĐOẠN 2026 – 2027

(Đính kèm Quyết định Số: 324/QĐ-BVNX ngày 15 tháng 09 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Như Xuân)

STT	Mã HH	Tên thuốc	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
1	LAO01	IVACTUBER Vắc xin phòng lao (BCG)	BCG sống, đông khô	0,05mg/liều; 10 liều	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	4	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (IVAC)	Việt Nam	Ống	10	83.160	831.600
2	6IN101	Infanrix Hexa	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại	Tiêm	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTPa-HBV-IPV) để pha hỗn	1	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	CSSX: Pháp ; CSXX: Bỉ	Liều	100	945.704	94.570.400

			liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang		dịch tiêm						
3	6IN102	Hexaxim	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Cơ sở sản xuất: Sanofi Winthrop Industrie; Cơ sở kiểm tra chất lượng bán thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng	Pháp	Bơm tiêm	200	916.650	183.330.000

			3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg				ống, xuất xưởng lô vắc xin: Sanofi Winthrop Industrie; Cơ sở sản xuất Bán thành phẩm cuối, nạp Bán thành phẩm cuối vào bơm tiêm hay vào lọ, đóng gói bao bì thứ cấp đối với sản phẩm đóng trong bơm tiêm hay					

								trong lọ, kiểm tra chất lượng Bán thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng lô vắc xin: Sanofi Winthrop Industrie					
4	PHC 01	Prevenar 20	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmaceuticals; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ai Len, Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bỉ	Bơm tiêm	100	1.400.490	140.049.000

			khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu	khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu				xưởng lô: Pfizer Manufacturing Belgium NV					

			khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)								
5	PHC 02	Prevenar 13	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	Bơm tiêm	200	1.077.300	215.460.000

			polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F	phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F								

			polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg								
6	ROTA01	Rotavin	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	Virus rota sống, giảm độc lực chủng G1P[8] ≥ 2 triệu PFU/liều 2ml	Uống	Dung dịch uống	4	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế	Việt Nam	Lọ	100	339.780	33.978.000
7	ROTA02	Rotarix	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID50	≥ 10^6.0 CCID50 (1,5ml/liều)	Uống	Hỗn dịch uống	1	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX: Bỉ; CSXX: Bỉ	Ống	200	766.835	153.367.000

8	ROTA03	RotaTeq	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant >=2,2 triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant >=2,8 triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant >=2,2 triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant >=2,0 triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant >=2,3 triệu IU	≥ 2,2 triệu IU; ≥ 2,8 triệu IU; ≥ 2,2 triệu IU; ≥ 2,0 triệu IU; > 2,3 triệu IU	Uống	Dung dịch uống	1	Merck Sharp & Dohme LLC	Mỹ	Tuýp	90	535.320	48.178.800
9	NMC01	Bexsero	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. -	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. -	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l	Ý	Hộp	30	1.529.926	45.897.780

			Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg									
10	NM C02	Menactra	1 liều (0,5 ml): ;- Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); ;- Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); ;- Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); ;- Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); ;- Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(*	0.5ml/ liều	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	Sanofi Pasteur Inc.	Mỹ	Lọ	30	1.102.000	33.060.000

			Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)									
11	NMC03	Menquadfi	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	Sanofi Pasteur Inc.	Hoa Kỳ	Lọ	30	1.653.750	49.612.500

12	NMC04	VA-MENGOC-BC	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	5	Cơ sở sản xuất: Instituto Finlay de Vacunas; Cơ sở đóng ống, đóng gói: National Center for Bioprepa rados, Bejucal.	Cuba	Lọ	200	204.939	40.987.800
13	VNNB01	JEEV	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	3mcg/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	5	Biologic al E. Limited	Ấn Độ	Lọ	50	273.000	13.650.000
14	VNNB02	Imojev	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm	Bột đông khô	5	Global Biotech Products Co., Ltd	Thái Lan	Lọ	50	695.218	34.760.900
15	SQR01	M-M-R II	Liều 0,5ml chứa: - Vi rút Sởi ≥ 1.000 CCID50;- Vi rút Quai bị ≥12.500 CCID50;-	Liều 0,5ml chứa: - Vi rút Sởi ≥ 1.000 CCID50;- Vi rút Quai bị ≥12.500 CCID50;-	Tiêm	Bột đông khô	1	CSSX & ĐG cấp 1 vắc xin:	Hoa Kỳ	Lọ	100	391.781	39.178.100

			Vi rút Rubella ≥1.000 CCID50;	Vi rút Rubella ≥1.000 CCID50;		pha tiêm		Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG cấp 2 & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.- Hà Lan; CSSX & ĐG cấp 1 dung môi: Jubilant Hollister Stier LLC.- Hoa Kỳ)					
16	SQR 02	Priorix	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	≥ 103,0 CCID50; ≥ 103,7 CCID50; ≥ 103,0 CCID50	Tiêm	Bột vắc xin đông khô	1	* CSSX vắc xin (tạo công thức, đóng ống, đông khô):	* CSSX vắc xin (tạo công thức, đóng ống, đông khô): Ý;	Lọ	50	391.781	19.589.050

								FIDIA Farmaceutici S.p.a; * CSĐG thành phẩm (Vắc xin và nước pha tiêm): GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; * Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; * Cơ sở sản xuất nước pha tiêm: -	* CSĐG thành phẩm (Vắc xin và nước pha tiêm): Bỉ; * Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: Bỉ; * CSSX nước pha tiêm: Pháp - Bỉ - Bỉ				

								Aspen Notre-Dame de Bondeville - Catalent Belgium SA - GlaxoSmithKline Biologicals S.A.					
17	TĐ01	Varivax	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated >= 1350 PFU/lọ	>=1350PFU/lọ	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	1	CSSX & ĐG sơ cấp: Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG thứ cấp & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.- Hà Lan; CSSX	Mỹ	Lọ	50	915.805	45.790.250

								dung môi: Jubilant Hollister Stier LLC.- Mỹ)					
18	TĐ02	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 10^3,3 PFU	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 10^3,3 PFU	Tiêm	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	1	CSSX vắc xin: Corixa Corporation dba GlaxoSmithKline Vaccines ; CSSX bơm tiêm đóng sẵn dung môi hoàn nguyên: 1. Catalent Belgium SA ; 2. Aspen Notre Dame de	CSSX vắc xin: Hoa Kỳ ; CSSX bơm tiêm đóng sẵn dung môi hoàn nguyên: 1. Bỉ ; 2. Pháp ; CS đóng gói: Bỉ ; CSXX: Bỉ	Lọ	50	836.164	41.808.200

								Bondeville ; CS đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A					
19	VGB01	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene - HBvax	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	≈ 10µg/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	4	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1	Việt Nam	Lọ	50	56.070	2.803.500
20	VGB02	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene - HBvax	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	≈ 20µg/1ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	4	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1	Việt Nam	Lọ	50	80.640	4.032.000

21	VGA01	Avaxim 80U Pediatric	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Bơm tiêm	30	458.144	13.744.320
22	BVGAB01	Twinrix	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	CSSX dạng bào chế và đóng gói sơ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co. KG ; CS đóng gói thứ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX:	CSSX dạng bào chế & CS đóng gói sơ cấp: Đức ; CS đóng gói thứ cấp & CS xuất xưởng: Bỉ	Liều	30	510.922	15.327.660

								GlaxoSmithKline Biologicals S.A.					
23	BHHGUVBL01	Tetraxim	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 I.U.; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 I.U.; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25 microgam, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 microgam; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (chủng Mahoney) 40 DU, Týp 2 (chủng MEF-1) 8 DU, Týp 3 (chủng Saukett) 32 DU	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30I.U.; Giải độc tố uốn ván ≥ 40I.U.; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25 microgam, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 microgam; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (chủng Mahoney) 40 DU, Týp 2 (chủng MEF-1) 8 DU, Týp 3 (chủng Saukett) 32 DU	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Bơm tiêm	50	439.768	21.988.400
24	UVAN01	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ống	500	34.852	17.426.000

25	UVAN02	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tố uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/0,5ml	Giải độc tố uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	4	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ống	1.000	16.262	16.262.000
26	D01	Verorab Vắc xin dại (bất hoạt), điều chế trên canh cấy tế bào	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	3.25 IU/0,5ml/liều	Tiêm	Vắc xin bột đông khô và dung môi hoàn nguyên	1	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Lọ	500	284.390	142.195.000
27	D02	Abhayrab	Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	5	Human Biologicals Institute (A Division of Indian Immunologicals Limited)	Ấn Độ	Lọ	500	189.840	94.920.000
28	HTD03	IVACRIG (Huyết thanh	Kháng thể kháng vi rút dại 1000 IU/lọ 5ml	Kháng thể kháng vi rút dại 1000 IU/lọ 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Viện vắc xin và sinh	Việt Nam	Lọ	30	430.186	12.905.580

		kháng dại tinh chế)						phẩm y tế (IVAC)					
29	HPV 01	Gardasil 9	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	CSSX & ĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG cấp 2 & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.- Hà Lan)	Hoa Kỳ	Bơm tiêm	100	2.726.850	272.685.000
30	CU M01	GCFlu Quadrivalent Pre-filled Syringe inj	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B	(Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15mcg; type B - 15mcg)/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	2	GC Biopharma Corp.	Hàn Quốc	Liều	200	259.140	51.828.000

31	CUM02	Influvac Tetra	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238), A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A), B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26), B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type)	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg haemagglutinin, A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15 mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15 mcg haemagglutinin	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	1	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Bơm tiêm	200	264.000	52.800.000
32	SXH01	Qdenga	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus	Tiêm	Bột pha tiêm	5	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ	Liều	20	960.336	19.206.720

			Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ≥ 3,3 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ≥ 2,7 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ≥ 4,0 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ≥ 4,5 log 10 PFU	Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ≥ 3,3 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ≥ 2,7 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ≥ 4,0 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ≥ 4,5 log 10 PFU				cấp: IDT Biologika GmbH; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Takeda GmbH; Cơ sở sản xuất dung môi dạng ống tiêm đóng sẵn: 1. Catalent Belgium S.A.;2. Baxter Pharmaceutical Solutions LLC	cấp: Đức; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Đức; Cơ sở sản xuất dung môi dạng ống tiêm đóng sẵn: 1. Bỉ; 2. Hoa Kỳ				
Tổng: 32 khoản													**1.972.223.560**
Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng.													